TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM NÔNG** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST
Ngày 16 tháng 4 năm 2020
V/v Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG - TỈNH PHÚ THỌ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà : Bà Đinh Thị Thu Huyền
Các hội thẩm nhân dân : 1, Ông Nguyễn Chí Thanh
2, Ông Trần Hữu Thọ
Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Hoàng Thị Thúy Minh - cán bộ Toà án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.
Đại diện Viện kiểm sát huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Ông Vũ Anh Hoàng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 188/2019/ TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2019 về việc: "Hôn nhân và gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 188/2019/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2020 và Thông báo mở phiên tòa số 188/2020/TB - TA ngày 01/ 4 /2020 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Chị Hán Thị P - sinh năm 1992

Địa chỉ: Khu 7, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ (Nay là khu 7, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ). (có mặt)

- ***Bị đơn*****:** Anh Hà Tiến D - sinh năm 1988

Địa chỉ: Khu 9, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ (Nay là khu 6, xã L, huyện T, tỉnh Phú Thọ). (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1, Trongđơn khởi kiện ngày 02/12/2019 và các lời khai tại Toà án,nguyên đơn chị Hán Thị P trình bày:

Chị kết hôn với anh Hà Tiến D ngày 09/01/2018 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ (Nay là xã L, huyện T , tỉnh Phú Thọ). Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu, sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng bố mẹ anh D, cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung, anh D ham chơi không quan tâm gì đến chị, tháng 5/2019 chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở, vợ chồng ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị P xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn anh D.

Về con chung: Chị P xác nhận vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng: Chị P xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, tài sản riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ, cho vay, đất nông nghiệp: Chị P xác nhận vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công sức: chị P xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2, Phía bị đơn anh Hà Tiến D: Tòa án nhân dân huyện Tam Nông đã gửi giấy báo làm việc nhiều lần nhưng anh D đều vắng mặt.

3, Tại biên bản lấy lời khai ngày11/02/2020 anh Hà Xuân T (anh trai anh D) và ông Hà Văn S (bố đẻ anh D) trình bày: Chị P và anh D có đăng ký kết hôn ngày 09/01/2018, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ (Nay là xã L, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ). Trước khi kết hôn anh chị được tự nguyện tìm hiểu, sau khi kết hôn anh chị ở cùng gia đình nhà ông S được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị mâu thuẫn với nhau. Tháng 5/2019 chị Phương đã bỏ về nhà mẹ đẻ chị ở tại khu 7, xã V, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ (Nay là khu 7, xã V, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ) từ đó đến nay không quay về nhà ông S nữa. Vợ chồng anh chị cũng ly thân từ đó không còn quan tâm đến nhau. Nay chị Phương làm đơn ly hôn anh D, Tòa án đã gửi các giấy báo cho anh D đến Tòa án làm việc gia đình ông đã nhận được đầy đủ và thông báo cho anh D, nhưng anh D bận công việc làm ăn nên không đến Tòa án làm việc được. Anh D, chị P không có con chung, không có tài sản chung, không nợ ai và không cho ai vay. Quan điểm của anh T và ông S đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Phương được ly hôn anh D.

4, Qua xác minh tại ủy ban nhân dân xã Lngày 11/02/2020 thấy rằng anh Dũng có hộ khẩu thường trú tại Khu 9, xã T, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ (Nay là khu 6, xã L, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ). Anh chị có đăng ký kết hôn ngày 09/01/2018, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ (Nay là xã L, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ). Sau khi kết hôn chị P về chung sống cùng anh D tại nhà bố mẹ anh D đến tháng 5/2019 chị P bỏ về nhà mẹ đẻ chị ở tại khu 7, xã V, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ (Nay là khu 7, xã V, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ) từ đó chị P không quay lại nhà anh D nữa. Nay chị P xin ly hôn anh D, Tòa án có gửi các giấy báo cho anh D, địa phương đều đã nhận được và giao đầy đủ cho gia đình anh D, ông Sức đã nhận thay cho anh D. Quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết cho chị P được ly hôn anh D.

Tại phiên toà kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật không có vi phạm gì và phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147, khoản 1, điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí 2015; Điểm a, khoản 5 điều 27 nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về thu, nộp và sử dụng án phí, lệ phí toà án. Xử cho chị Hán Thị P được ly hôn anh Hà Tiến D. Về con chung, tài sản chung, công

sức, nợ, cho vay không có nên không đặt ra yêu cầu giải quyết.Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Hán Thị P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do đương sự cung cấp và được thẩm tra công khai tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Toà án đã gửi thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng anh D đều vắng mặt. Căn cứ khoản 1, □iều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án nhân dân huyện Tam Nông tiến hành xét xử vắng mặt anh D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị P và anh D là hoàn toàn hợp pháp, được UBND xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ (Nay là xã L, huyện T, tỉnh Phú Thọ) cho đăng ký kết hôn ngày 09/01/2018. Xét tình cảm vợ chồng giữa chị P và anh D được tự nguyện tìm hiểu nhưng thực sự tình cảm vợ chồng giữa anh chị đã có vết rạn nứt, chị P cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng bố mẹ anh D, cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung, anh D ham chơi không quan tâm gì đến chị, tháng 5/2019 chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở, vợ chồng ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị Pxét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn anh D. Tòa án đã báo gọi nhiều lần, anh D có biết việc Tòa án đang giải quyết việc ly hôn giữa chị P và anh nhưng anh không đến Tòa án làm việc để thể hiện quan điểm của mình. Tại biên bản lấy lời khai ngày11/02/2020 anh Hà Xuân T (anh trai anh D) và ông Hà Văn S (bố đẻ anh D) trình bày: Chị P và anh D có đăng ký kết hôn ngày 09/01/2018, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ (Nay là xã V, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ). Trước khi kết hôn anh chị được tự nguyện tìm hiểu, sau khi kết hôn anh chị ở cùng gia đình nhà ông S được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị mâu thuẫn với nhau. Tháng 5/2019 chị P đã bỏ về nhà mẹ đẻ chị ở từ đó đến nay không quay về nhà ông S nữa. Vợ chồng anh chị cũng ly thân từ đó không còn quan tâm đến nhau. Nay chị P làm đơn ly hôn anh D quan điểm của anh Tvà ông S đề nghị Tòa án giải quyết cho chị P được ly hôn anh D. Ngày 11/02/2020 Tòa án nhân dân huyện Tam Nông đã tiến hành xác minh về quan hệ hôn nhân của chị P và anh D được đại diện chính quyền địa phương cung cấp sau khi kết hôn chị P về chung sống cùng anh D tại nhà bố mẹ anh D đến tháng 5/2019 chị P bỏ về nhà mẹ đẻ chị ở từ đó chị Phương không quay lại nhà anh Dũng nữa. Nay chị P xin ly hôn anh D quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết cho chị P được ly hôn anh D. Vì vậy cần xử cho chị P được ly hôn anh D là phù hợp với điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]Về con chung, tài sản chung, tài sản riêng, về nợ, cho vay, đất nông nghiệp, công sức: chị P xác nhận không có, không yêu cầu Toà án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]Về án phí ly hôn sơ thẩm: chị P phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐINH

Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147, khoản 1 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí 2015; Điểm a, khoản 5 điều 27 nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về thu, nộp và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

1, Xử: cho chị Hán Thị P được ly hôn anh Hà Tiến D.

2, Về án phí ly hôn sơ thẩm **:** Chị Hán Thị P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Xác nhận chị P đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2019/0002524 ngày 11/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

Báo cho đương sự (có mặt) tại phiên toà biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được niêm yết bản án để đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ toạ phiên tòa

Đinh Thị Thu Huyền

Nơi nhận:
- VKSND huyện
- Chi cục THADS huyện
- Các đương sự
- UBND xã Lam Sơn.
- Lưu HS - VP